

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: Lịch sử tiếng Việt

Tên tiếng Anh: The History of Vietnamese Language

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 4)

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 18 tiết

- Thực hành: 0 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 12 tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...): 0 tiết

- Tự học: 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Ngữ âm tiếng Việt

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:

Để theo học được môn học này, sinh viên cần phải có kiến thức về ngôn ngữ học đại cương (tức là đã học xong các môn học của nhóm Cơ sở ngành thuộc khối kiến thức Chuyên nghiệp), có kỹ năng thiết kế bài thuyết trình bằng PowerPoint, có kỹ năng làm việc theo nhóm.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Nội dung chính của môn học là tìm hiểu về vấn đề nguồn gốc tiếng Việt, những cơ sở để xác định nguồn gốc tiếng Việt, những đặc điểm cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của nhóm ngôn ngữ Mon-Khmer, những diễn biến chính từ giai đoạn Proto-Việt Chút đến tiếng Việt cận-hiện đại.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu:

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về vấn đề nguồn gốc và các giai đoạn phát triển của tiếng Việt. Cũng qua môn học này sinh viên được cung cấp một số kiến thức cần thiết về Ngôn ngữ học So sánh Lịch sử. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức này để xác định nguồn gốc cũng như mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học:

Sau khi hoàn tất môn học sinh viên có thể hiểu và trình bày được: a) những cơ sở để xác định nguồn gốc tiếng Việt; b) những diễn biến chính trong các giai đoạn phát triển của lịch sử tiếng Việt.

Sinh viên cũng có thể phân tích, đánh giá những ý kiến khác nhau về nguồn gốc tiếng Việt.

Sinh viên còn có thể áp dụng một số kiến thức về Ngôn ngữ học Lịch sử để xác định quan hệ nguồn gốc và mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam.

Sinh viên có được kỹ năng làm việc nhóm, có kỹ năng thuyết trình.

Cũng qua môn học này, sinh viên có được thái độ tích cực trong làm việc nhóm.

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Hiểu và trình bày được: a) những cơ sở để xác định nguồn gốc tiếng Việt; b) những diễn biến chính trong các giai đoạn phát triển của lịch sử tiếng Việt.	<i>GV thuyết trình SV thảo luận nhóm SV thuyết trình</i>	<i>Ý kiến hỏi đáp Nội dung, hình thức của bài thuyết trình Kỹ năng trình bày, kỹ năng thuyết trình Kiểm tra cuối kỳ</i>
2	Phân tích, đánh giá những ý kiến khác nhau về nguồn gốc tiếng Việt.	<i>GV thuyết trình SV thảo luận nhóm</i>	<i>Kỹ năng trình bày Ý kiến thảo luận</i>
3	Áp dụng một số kiến thức về Ngôn ngữ học Lịch sử, để xác định quan hệ nguồn gốc và mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam.	<i>SV tự chọn đề tài thuyết trình, làm việc theo nhóm;</i>	<i>Nội dung bài thuyết trình Kỹ năng trình bày, trả lời câu hỏi</i>
4	Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	<i>SV làm việc theo nhóm; thuyết trình trước lớp GV tổng kết, giải đáp thắc mắc</i>	<i>Hình thức của bài thuyết trình Vai trò của SV trong nhóm Kỹ năng thuyết trình Cách trả lời câu hỏi Cách phát biểu, tranh luận</i>

9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

- (1) Nguyễn Tài Cẩn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb. Giáo dục.
- (2) Haudricourt A.G. (1991), *Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á*, Ngôn ngữ số 1.
- (3) Haudricourt A.G. (1991), *Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt*, Ngôn ngữ số 1.
- (4) Nguyễn Ngọc San (2003), *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nxb. ĐH. Sư phạm, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

- (5) Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb. ĐHQG.Hà Nội.
- (6) Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Thử phân kì 12 thế kỷ của tiếng Việt*, Ngôn ngữ số 6.
- (7) Nguyễn Tài Cẩn (2001), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán-Việt*, Nxb.ĐHQG Hà Nội
- (8) Nguyễn Tài Cẩn (2001), *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa*, Nxb.ĐHQG Hà Nội.
- (9) Diffloth G. & Zide N. (1982), *Austro-Asiatic Languages*, International Encyclopedia of Linguistics, Vol. 1, Oxford Univ. Press, pp. 137-142.
- (10) Phạm Đức Dương & Phan Ngọc (1983), *Tiếp xúc Ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, Nxb Khoa học Xã hội.
- (11) Trần Trí Dõi (1988), *Tìm hiểu thêm về nguồn gốc thanh điệu tiếng Việt*, trong “Tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á”.
- (12) Trần Trí Dõi (2005), *Giáo trình lịch sử tiếng Việt (sơ thảo)*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.
- (13) Ferlus M. (1981), *Sự biến hóa của các âm tắc giữa (obstruents mediales) trong tiếng Việt*, Ngôn ngữ số 2.
- (14) Haudricourt A.G. (1974), *Hai chữ B trong cuốn từ điển của A-lêch-xan đơ Rôt*, Ngôn ngữ số 4.
- (15) Jakhontov S.E. (1991), *Về sự phân loại các ngôn ngữ ở Đông Nam châu Á*, Ngôn ngữ số 1.
- (16) Nguyễn Văn Lợi (1990), *Tiếng Việt và họ ngôn ngữ Nam Á*, Ngôn ngữ số 4.
- (17) Nguyễn Văn Lợi (1991), *Quá trình hình thành và sự đối lập âm vực thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt- Mường*, Ngôn ngữ số 1.
- (18) Rhodes A. de, 1991, *Từ điển Việt – Bồ - La*, Nxb Khoa học Xã hội.
- (19) Sokolovskaia N.K. (1978), *Về sự phân loại nội bộ các ngôn ngữ của nhóm Việt-Mường*, Ngôn ngữ số 1.

- Trang Web/CDs tham khảo

Website: http://en.wikipedia.org/wiki/Mon-Khmer_languages

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Giữa kỳ	- Chuyên cần - Tham gia thảo luận	15 % 15 %	Điểm giữa kỳ	30%

	- <i>Thuyết trình (thay cho thi giữa kỳ)</i>	70 % 100%		
<i>Cuối kỳ</i>	- <i>Chuyên cần</i> - <i>Tham gia thảo luận</i> - <i>Thi cuối kỳ (Viết tiểu luận)</i>	15 % 15 % 70 % 100%	<i>Điểm cuối kỳ</i>	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá

- + Từ 9 đến 10: Xuất sắc
- + Từ 8 đến cận 9: Giỏi
- + Từ 7 đến cận 8: Khá
- + Từ 6 đến cận 7: Trung bình khá
- + Từ 5 đến cận 6: Trung bình
- + Từ 3 đến cận 5: Yếu
- + Nhỏ hơn 3: Kém

- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

Kết quả học tập sẽ được tính theo các tiêu chí sau:

- (a) Chuyên cần (15%)
- (b) Hoạt động ở lớp (15%)
- (c) Hoạt động nhóm (30%)
- (d) Kỹ năng thuyết trình và nội dung bài thuyết trình (40%)
(Tổng kết quả của (c) và (d) được xem là kết quả kiểm tra giữa kỳ; chiếm 30% kết quả sau cùng)
- (e) Tiểu luận cuối kỳ (chiếm 70% của tổng điểm cuối kỳ)
(Tổng điểm cuối kỳ chiếm 70% kết quả sau cùng)

- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm

Nhiệm vụ	Kém (dưới 3 đ.)	Yếu (từ 3 đến cận 5)	Trung bình (từ 5 đến cận 7)	Khá – Giỏi (từ 7 đến cận 9)	Xuất sắc (từ 9 đến cận 10)
1. Chuyên cần	Vắng mặt gần 20% các buổi học; thường xuyên đi học không đúng giờ; không đọc trước tư liệu cần thiết cho buổi học.	Vắng mặt gần 20% các buổi học; nhiều lần đi học không đúng giờ; không đọc trước tư liệu cần thiết cho buổi học.	Có mặt gần khá đầy đủ trong các buổi học; thỉnh thoảng đến lớp muộn; có đọc trước một ít tư liệu cần thiết cho buổi học (theo yêu cầu của giảng viên).	Có mặt gần như đầy đủ trong các buổi học; thường xuyên đến lớp đúng giờ; có đọc trước một số tư liệu cần thiết cho buổi học (theo yêu cầu của giảng viên).	Có mặt đầy đủ trong các buổi học; luôn đến lớp đúng giờ; chủ động đọc trước các tư liệu cần thiết cho buổi học.
2. Hoạt động ở lớp	Có thái độ không nghiêm túc trong học tập; làm ảnh hưởng đến hoạt động học tập của lớp; không chú ý nghe giảng; không có phát biểu, trao đổi ý kiến.	Có thái độ thiếu nghiêm túc trong học tập; làm ảnh hưởng đến hoạt động học tập của lớp; ít chú ý nghe giảng; không có phát biểu, trao đổi ý kiến.	Có thái độ tương đối nghiêm túc, trong học tập; thỉnh thoảng có phát biểu, trao đổi ý kiến.	Có thái độ nghiêm túc, nhiệt tình trong học tập; thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến (trung bình phát biểu/hỏi 1 lần trong 2 buổi học).	Có thái độ nghiêm túc, nhiệt tình trong học tập; tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến (trung bình phát biểu/hỏi 1 lần trong 1 buổi học); có khả năng nêu ý kiến, giải quyết vấn đề.

3. Hoạt động nhóm	Không thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong nhóm.	Không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công trong nhóm.	Thực hiện tương đối đầy đủ các nhiệm vụ được phân công trong nhóm.	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công trong nhóm; có vai trò khá tích cực trong nhóm.	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công trong nhóm; có vai trò tích cực trong nhóm; chủ động giúp đỡ các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ.
4. Kỹ năng thuyết trình & Nội dung bài thuyết trình	Không tham gia thuyết trình.	Kỹ năng thuyết trình không tốt (trình bày báo cáo không rõ); không hiểu được nội dung của các câu hỏi và không biết cách trả lời thoả đáng; không có khả năng thiết kế slides. Nội dung bài thuyết trình có nhiều sai sót.	Có kỹ năng thuyết trình tương đối tốt (trình bày báo cáo tương đối rõ ràng); hiểu được nội dung chính của các câu hỏi và có câu trả lời tương đối thoả đáng; có khả năng thiết kế slides. Bài thuyết trình tổng hợp tư liệu tương đối tốt, nội dung tương đối đầy đủ.	Có kỹ năng thuyết trình khá tốt (trình bày báo cáo rõ ràng, mạch lạc); hiểu được nội dung của các câu hỏi và có câu trả lời khá thoả đáng; có khả năng thiết kế slides rõ ràng, hiệu quả. Bài thuyết trình tổng hợp tư liệu tốt, nội dung đầy đủ.	Có kỹ năng thuyết trình tốt (trình bày báo cáo rõ ràng, mạch lạc, tự tin); hiểu được nội dung của các câu hỏi và có câu trả lời thoả đáng; có khả năng thiết kế slides rõ ràng, hiệu quả. Bài thuyết trình tổng hợp tư liệu tốt, nội dung đầy đủ, có sáng tạo.
5. Tiểu luận cuối kỳ	Về nội dung: Bài tiểu luận cuối kỳ có nội dung không phù hợp với tên đề tài; sao chép tài liệu của người khác nhưng không ghi rõ nguồn. Về hình thức: Bài tiểu luận được trình bày không theo chương mục rõ ràng; không nêu tài liệu tham khảo; có nhiều lỗi đánh máy, lỗi chính tả.	Về nội dung: Bài tiểu luận cuối kỳ nêu không đầy đủ các nội dung cần thiết; sao chép tài liệu của người khác nhưng không ghi rõ nguồn. Về hình thức: Bài tiểu luận được trình bày không theo chương mục rõ ràng; không ghi tài liệu tham khảo; có khá nhiều lỗi đánh máy, lỗi chính tả.	Về nội dung: Bài tiểu luận cuối kỳ nêu tương đối đầy đủ các nội dung cần thiết; có trích dẫn tương đối rõ ràng, không sao chép tài liệu của người khác. Về hình thức: Bài tiểu luận được trình bày theo chương mục tương đối rõ ràng; tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ, đúng quy cách; có một số lỗi đánh máy, lỗi chính tả.	Về nội dung: Bài tiểu luận cuối kỳ có nội dung tổng hợp khá tốt, nêu khá đầy đủ các nội dung cần thiết; có trích dẫn rõ ràng, không sao chép tài liệu của người khác. Về hình thức: Bài tiểu luận được trình bày theo chương mục khá rõ ràng; tài liệu tham khảo khá đầy đủ, chính xác, đúng quy cách; ít có lỗi đánh máy, lỗi chính tả.	Về nội dung: Bài tiểu luận cuối kỳ có nội dung tổng hợp tốt, nêu đầy đủ các nội dung cần thiết, có ý kiến sáng tạo; có trích dẫn rõ ràng, không sao chép tài liệu của người khác. Về hình thức: Bài tiểu luận được trình bày theo chương mục rõ ràng; tài liệu tham khảo đầy đủ, chính xác, đúng quy cách; không có lỗi đánh máy, lỗi chính tả.

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định;
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp;
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp;

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ;
- Nộp tiểu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ 30% điểm.
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị 0 (không) điểm.

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- SV có thể liên hệ với giảng viên và trợ giảng vào chiều thứ tư hàng tuần, từ 14 giờ đến 16 giờ tại Văn phòng khoa Văn học và Ngôn ngữ.

12. Nội dung chi tiết môn học:

Chương 1 Về vấn đề nguồn gốc tiếng Việt

- 1.1. Những ý kiến khác nhau về nguồn gốc tiếng Việt
 - 1.1.1. Tiếng Việt cùng gốc với các ngôn ngữ Thái
 - 1.1.2 Tiếng Việt cùng gốc với tiếng Hán
- 1.2. Những cơ sở để xác định về nguồn gốc tiếng Việt
 - 1.2.1. Cơ sở về ngữ pháp
 - 1.2.2. Cơ sở về từ vựng
- 1.3. Phương pháp nghiên cứu
 - 1.3.1. Phương pháp so sánh lịch sử
 - 1.3.2. Phương pháp thống kê từ vựng (Lexicostatistics)
 - 1.3.3. Phương pháp ngữ thời học (Glottochronology)
- 1.4. Các nguồn tư liệu
 - 1.4.1. Các tư liệu thành văn, các từ điển về tiếng Việt cổ
 - 1.4.2. Tư liệu từ ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Đông Nam Á
- 1.5. Kết luận về vấn đề nguồn gốc tiếng Việt

Chương 2 Vị trí và đặc điểm của nhóm Mon-Khmer trong ngữ hệ Nam Á

- 2.1. Về cách phân loại ngôn ngữ
 - 2.1.1. Phân loại theo nguồn gốc
 - 2.1.2. Phân loại theo loại hình
- 2.2. Về các nhóm ngôn ngữ trong ngữ hệ Nam Á
 - 2.2.1. Nhóm ngôn ngữ Mon-Khmer
 - 2.2.2. Nhóm ngôn ngữ Munda
 - 2.2.3. Nhóm ngôn ngữ Nicobar
- 2.3. Đặc điểm của nhóm Mon-Khmer
 - 2.3.1. Đặc điểm về ngữ âm
 - 2.3.2. Đặc điểm về hình thái học
 - 2.3.3. Đặc điểm về cú pháp

Chương 3. Từ Proto Việt – Chứt đến Pong Chứt và đến Việt-Mường chung

- 3.1. Giai đoạn Proto Việt- Chứt
 - 3.1.1. Địa bàn phân bố
 - 3.1.2. Đặc điểm ngôn ngữ
- 3.2. Sự hình thành ngôn ngữ Việt Mường chung
 - 3.2.1. Tiếp xúc ngôn ngữ
 - 3.2.2. Địa bàn phân bố
 - 3.2.3. Đặc điểm ngôn ngữ
- 3.3. Từ Việt-Mường chung đến Nguồn, Mường và Việt

3.3.1. Tiếp xúc với tiếng Hán

3.3.2. Quá trình chia tách từ Việt-Mường chung đến Nguồn, Mường và Việt

3.3.3. So sánh tiếng Việt với tiếng Mường

Chương 4. Tiếng Việt sau khi giành độc lập

4.1. Tiếp xúc với tiếng Hán

4.2. Sự hình thành chữ Nôm

4.3. Lịch sử chữ Quốc ngữ

4.4. Sự hình thành của các phương ngữ tiếng Việt

4.5. Tiếp xúc với tiếng Pháp

4.6. Ảnh hưởng của tiếng Việt đối với các ngôn ngữ dân tộc

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc
1	2	Chương 1 Mục 1.1 Mục 1.2	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp	(1) (Phần Mở đầu) (2)
2	2	Chương 1. Mục 1.3	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp (theo nhóm)	(2)
3	2	Chương 1 Mục 1.4 Mục 1.5	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp	(8) (14) (18)
4	2	Chương 2 Mục 2.1 Mục 2.2	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp	(2) (3) (9) (15)
5	2	Chương 2 Mục 2.3	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp (theo nhóm)	(9) (15) (16)
6	2	Chương 3 Mục 3.1 Mục 3.2	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp (theo nhóm)	(1) (10) (Phần do Phạm Đức Dương viết)
7	2	Chương 3 Mục 3.3	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp (theo nhóm)	(1) (1) (19)
8	2	Chương 4 Mục 4.1 Mục 4.2	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp (theo nhóm)	(1) (1) (Phần do Phan Ngọc viết)
9	2	Chương 4 Mục 4.2 Mục 4.3	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong lớp (theo nhóm)	(1) (5) (6) (8) (10) (Phần do Phan Ngọc viết)
10	2	Thuyết trình theo nhóm	SV thuyết trình theo nhóm (đề tài tự chọn hoặc theo gợi ý của GV).	SV đọc những tài liệu liên quan đến đề tài thuyết trình.
11	2	Thuyết	SV thuyết trình theo nhóm (đề	SV đọc những tài liệu

		trình theo nhóm	<i>tài tự chọn hoặc theo gợi ý của GV).</i>	liên quan đến đề tài thuyết trình.
12	2	Thuyết trình theo nhóm	<i>SV thuyết trình theo nhóm (đề tài tự chọn hoặc theo gợi ý của GV).</i>	SV đọc những tài liệu liên quan đến đề tài thuyết trình.
13	2	Thuyết trình theo nhóm	<i>SV thuyết trình theo nhóm (đề tài tự chọn hoặc theo gợi ý của GV)</i>	SV đọc những tài liệu liên quan đến đề tài thuyết trình.
14	2	Thuyết trình theo nhóm	<i>SV thuyết trình theo nhóm (đề tài tự chọn hoặc theo gợi ý của GV).</i>	SV đọc những tài liệu liên quan đến đề tài thuyết trình.
15	2	Giải đáp thắc mắc - Tổng kết	<i>SV thuyết trình theo nhóm (đề tài tự chọn hoặc theo gợi ý của GV).</i>	SV đọc những tài liệu liên quan đến đề tài thuyết trình.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2014.

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Văn Huệ

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Nguyễn Văn Huệ	Học hàm, học vị: Phó Giáo sư – Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Việt Nam học Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	Điện thoại liên hệ:
Email: nguyenvan.hue@gmail.com	Trang web:

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng

Họ và tên: Lê Văn Dũng	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Văn học & Ngôn ngữ Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn	Điện thoại liên hệ:
Email: dunglevan@hcmussh.edu.vn	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	Gửi email theo địa chỉ trên.
-------------------------------	------------------------------

Nơi tiến hành môn học:	Cơ sở Đinh Tiên Hoàng
Thời gian học:	Học kỳ 2 (trong tháng 2 và tháng 3)